

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26.6.2020

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Hải Long;

Bà Mai Lương Anh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hòa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: số X, đường H, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Đặng P**, sinh năm: 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X, đường H, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng .

Hiện đang chấp hành án tại: Đội X, phân trại Y, Trại giam Đại Bình, thôn 11, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T có mặt tại phiên Tòa, anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Đỗ Thị T** trình bày: Chị và anh **Đặng P** xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng chị hòa thuận hạnh

phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau, sau đó anh P phải đi chấp hành án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Phúc không còn nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng P. Về con chung, chị và anh P có 03 con chung là Đặng Đồng K, sinh ngày 25/8/2006; Đặng Đỗ Ánh D, sinh ngày 19/7/2008 và Đặng Đỗ Kỳ C, sinh ngày 01/12/2016, hiện nay các con đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 03 con, không yêu cầu anh Phúc phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung, chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng P trình bày: Anh và chị T quen biết nhau được 4 năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung, anh xác định vợ chồng có 03 con chung là Đặng Đồng K, sinh ngày 25/8/2006; Đặng Đỗ Ánh D, sinh ngày 19/7/2008 và Đặng Đỗ Kỳ C, sinh ngày 01/12/2016. Khi ly hôn anh đồng ý giao 3 con cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh P có đơn xin vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P. Về con chung, chị yêu cầu được 03 con, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh Đặng P có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh P và giao con chung là 03 con chung là Đặng Đồng K, Đặng Đỗ Ánh D và Đặng Đỗ Kỳ C cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Về việc cấp dưỡng nuôi con chị Tú không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết. Về nợ chung, không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng P đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa hôm nay và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P xây dựng gia đình với nhau năm 2006 trên cơ sở tình cảm, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh P và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh P được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và P có 03 con chung là Đặng Đồng K, sinh ngày 25/8/2006; Đặng Đỗ Ánh D, sinh ngày 19/7/2008 và Đặng Đỗ Kỳ C, sinh ngày 01/12/2016. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi 03 con chung, anh P cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay anh P đang đi chấp hành án, 03 cháu đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu K, cháu D đều có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu C còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao 03 con chung là Đặng Đồng K; Đặng Đỗ Ánh D và Đặng Đỗ Kỳ C cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh P xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị T, xử cho chị Đỗ Thị T và anh Đặng P được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 03 con chung là Đặng Đồng K, sinh ngày 25/8/2006; Đặng Đỗ Ánh D, sinh ngày 19/7/2008 và Đặng Đỗ Kỳ C, sinh ngày 01/12/2016 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017178 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị Tú đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (26.6.2020). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp.Đà Lạt;
- UBND phường 6, tp.Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc